GT.0000027894

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH

XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA VÀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

(DÙNG CHO ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH)

I NGUYÊN
HỌC LIỆU
9597

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ThS. Kiều Hữu Hải (Chủ biên)
ThS. Hoàng Minh Long, ThS. Nguyễn Quang Lợi, ThS. Trương Đình Quý

GIÁO TRÌNH
XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA VÀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

(Dùng cho đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh)

(Tái bản lần thứ hai)

Người Hiệu đính: TS. Trần Công Trục

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 5

Chương 1. HIỂU BIẾT CHUNG VỀ LÃNH THỔ QUỐC GIA VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1.1. Lãnh thổ, biên giới quốc gia 7

1.2. Lãnh thổ, biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 14

Câu hỏi ôn tập 33

Chương 2. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA VỀ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

2.1. Một số kinh nghiệm bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia của ông cha ta 34

2.2. Quan điểm, nội dung và giải pháp của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia 36

Câu hỏi ôn tập 46

Chương 3. QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

3.1. Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế về biên giới quốc gia 47

3.2. Quy chế pháp lý về biên giới quốc gia trên đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ... 48

3.3. Quy chế pháp lý về biên giới quốc gia trên biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 63

Câu hỏi ôn tập 72

Chương 4. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

4.1. Một số đặc điểm về biên giới 73

4.2. Quan điểm của Đảng ta về biên giới và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia 75

4.3. Nguyên tắc, nội dung, hình thức quản lý, bảo vệ biên giới 77

4.4. Đấu tranh phòng chống phản động ở khu vực biên giới 83

Câu hỏi ôn tập 89

Chương 5. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ BIỂN, ĐẢO TRONG THỜI KỲ MỚI

5.1. Biển Đông và vùng biển, đảo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 90

5.2. Nội dung bảo vệ biển, đảo trong thời kỳ mới 125

5.3. Một số giải pháp tăng cường bảo vệ biển, đảo trong thời kỳ mới 140

Câu hỏi ôn tập 154

TÀI LIỆU THAM KHẢO 155

LỜI NÓI ĐẦU

Lãnh thổ, biên giới quốc gia là vấn đề hệ trọng liên quan trực tiếp đến chủ quyền của mỗi quốc gia, dân tộc; được quy định cụ thể trong Hiến chương Liên hợp quốc và các văn bản luật pháp quốc tế, đồng thời nó cũng trở thành một trong những nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong quan hệ quốc tế. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam luôn khẳng định việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu của đất nước. Vì vậy, hiện nay việc xây dựng và bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của tất cả các cấp, các ngành, các đoàn thể và hệ thống chính trị - xã hội.

Giáo trình đề cập đến những vấn đề cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia; quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ lãnh thổ, biên giới quốc gia; quy chế pháp lý; công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Một số giải pháp tăng cường bảo vệ biển, đảo Việt Nam trong thời kỳ mới. Trên cơ sở đó xây dựng ý thức, trách nhiệm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn, phát triển tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội Việt Nam.

Giáo trình dùng cho đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục đại học.

Mặc dù, tập thể tác giả đã rất cố gắng trong việc biên soạn, song chắc chắn giáo trình vẫn còn những thiếu sót nhất định. Tập thể tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các nhà giáo cùng đông đảo bạn đọc.

Xin trân trọng cảm ơn!

Chương 1

HIỂU BIẾT CHUNG VỀ LÃNH THỔ QUỐC GIA VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1.1. LÃNH THỔ QUỐC GIA, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1.1.1. Lãnh thổ quốc gia

a) Khái niệm

Lãnh thổ quốc gia, là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia, trong đó quốc gia có quyền định ra một chế độ pháp lý cho việc quản lý, bảo vệ các quyền và lợi ích của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ đó.

Lãnh thổ thuộc chủ quyền quốc gia bao gồm: Vùng đất (kể cả các đảo và quần đảo), vùng biển (nội thủy và lãnh hải) và vùng trời. Theo luật pháp quốc tế và các điều ước quốc tế, lãnh thổ quốc gia còn bao gồm phần lãnh thổ quốc gia đặc biệt như: vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, đại sứ quán, lãnh sự quán, tàu thuyền nhà nước, tàu thuyền quân sự... Chủ quyền đối với lãnh thổ quốc gia là tuyệt đối và bất khả xâm phạm. Riêng đối với lãnh thổ đặc biệt, các quốc gia sở hữu thực hiện các quyền và lợi ích của mình, nhưng phải tuân thủ luật pháp của nước sở tại và luật pháp quốc tế cũng như các điều ước quốc tế liên quan đã ký kết và các quy chế chung được áp dụng đối với lãnh thổ đặc biệt.

b) Vị trí, tầm quan trọng của lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia là một trong ba yếu tố cơ bản hợp thành quốc gia bao gồm: Lãnh thổ, Dân cư, Nhà nước. Nó gắn liền với lợi ích về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của mỗi quốc gia. Do đó, lãnh thổ quốc gia là cơ sở, nền tảng vật chất cho mỗi quốc gia tồn tại và phát triển trong phạm vi lãnh thổ của mình. Đồng thời, lãnh thổ quốc gia còn liên quan với các quốc gia khác, trước hết là các quốc gia láng giềng hoặc các quốc gia trong khu vực.

Lãnh thổ quốc gia là điều kiện vật chất, là môi trường sống, sinh tồn và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc; không có lãnh thổ thì không có quốc gia đúng nghĩa của nó.

Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia đã trở thành vấn đề sống còn của mỗi quốc gia, dân tộc.

c) Thành phần của lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia bao gồm ba bộ phận cấu thành là: Vùng đất, vùng nước và vùng trời. Ngoài ra, còn có các bộ phận lãnh thổ quốc gia khác gọi là lãnh thổ quốc gia đặc biệt (bổ sung).

– Vùng đất lãnh thổ quốc gia:

Vùng đất thuộc lãnh thổ quốc gia bao gồm toàn bộ đất liền, các hải đảo và tầng ngầm dưới lòng đất; giới hạn độ sâu của tầng đất ngầm được tính từ bề mặt của quả đất đến tâm quả đất.

Quốc gia có toàn quyền sử dụng toàn bộ vùng đất thuộc chủ quyền quốc gia của mình. Chủ quyền này được đảm bảo và điều chỉnh bằng hệ thống pháp luật; Nhà nước quy định các vùng và chế độ pháp lý của từng vùng, có toàn quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên trong lòng đất, cũng như định ra các quy chế bảo vệ các tài nguyên đó.

– Vùng nước thuộc lãnh thổ quốc gia:

Là sông ngòi, ao, hồ, kênh, rạch, biển nội địa, vùng nước nội địa, nội thủy, lãnh hải... thuộc chủ quyền quốc gia. Theo luật pháp quốc tế, vùng nước trong khái niệm lãnh thổ quốc gia bao gồm: Vùng nước nội địa, vùng nước biên giới, nội thủy, cảng biển, cửa sông chảy ra biển, nước ở vịnh tự nhiên, vùng nước lịch sử và vịnh lịch sử, lãnh hải.

+ *Vùng nước nội địa gồm:* Toàn bộ phần nước các sông ngòi, ao, hồ, kênh, rạch (kể cả tự nhiên và nhân tạo) nằm trong vùng đất hoặc biển nội địa.

+ *Vùng nước biên giới gồm:* Nước ở các sông, ngòi, ao, hồ, kênh, rạch, biển nội địa có đường biên giới đi qua. Về bản chất thì vùng này cũng là vùng nước nội địa nhưng do vị trí đặc biệt của chúng mà việc khai thác, sử dụng và bảo vệ nó phải được các nhà nước có chung đường biên giới thỏa thuận ký kết, đảm bảo tôn trọng lợi ích của hai bên.

Ví dụ: Sông Hồng đoạn chảy qua tỉnh Lào Cai Việt Nam và tỉnh Vân Nam Trung Quốc.

+ Nội thủy là vùng nước biển có chiều rộng giới hạn bởi một bên là đường cơ sở và một bên là bờ biển. Vùng nước này có nhiều bộ phận như: Cảng biển, cửa sông chảy ra biển, nước ở vịnh tự nhiên.

+ Vùng nước lịch sử là vùng nước thuộc các biển, vịnh, vùng neo đậu tàu, eo biển, cửa sông hoặc giữa các đảo có cấu tạo địa lý đặc biệt, ăn sâu vào đất liền; là một bộ phận gắn liền với lục địa, có ý nghĩa đặc biệt chiến lược về an ninh quốc gia, về kinh tế mà nước ven biển đã chiếm hữu, sử dụng, khai thác từ lâu đời, không bị các nước khác ngăn cản, phản đối.

+ Vịnh lịch sử là những vịnh mà nhà nước đó đã sử dụng, khai thác từ lâu đời, có chủ quyền đầy đủ, toàn vẹn và tuyệt đối.

+ Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng nhất định nằm phía ngoài đường cơ sở của quốc gia ven biển, tiếp liền với vùng nước nội thủy (hoặc vùng nước quần đảo đối với các quốc gia quần đảo) chiều rộng của lãnh hải do từng quốc gia quy định. Theo Công ước Luật Biển quốc tế 1982, bề rộng của lãnh hải không được quá 12 hải lý tính từ đường cơ sở.

– Vùng trời lãnh thổ quốc gia:

Trong hiệp định quốc tế về đi lại trên không ký ngày 13/10/1929 ở Paris (Pháp) đã quy định: "Các nước ký kết công nhận rằng mỗi nước có chủ quyền hoàn toàn và đặc biệt đối với không phận thuộc phạm vi lãnh thổ của mình", từ đó vấn đề chủ quyền đối với vùng trời lãnh thổ quốc gia đã trở thành một phạm trù pháp lý quốc tế. Vùng trời là một bộ phận gắn liền với vùng đất, vùng nước của lãnh thổ quốc gia, nó có ý nghĩa về an ninh, quốc phòng cho mỗi quốc gia. Pháp luật các nước quy định độ cao của vùng trời rất khác nhau, một số nước đã lấy độ cao của quỹ đạo nơi hiện đang có vệ tinh nhân tạo hoạt động; một số nước lấy đến hết độ cao của bầu khí quyển, còn một số nước khác không quy định cụ thể độ cao của vùng trời.

Luật pháp quốc tế chưa có quy định cụ thể về giới hạn vùng trời lãnh thổ quốc gia. Như vậy, vùng trời thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia, phương tiện bay của nước ngoài chỉ được phép bay vào hoặc bay qua khi được nước chủ nhà cho phép.